

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th; sinh năm: 1994

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1985

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Đăk Hring, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Đ thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Khánh H; sinh ngày 07/6/2013 và Nguyễn Thị Phương A; sinh ngày 26/9/2015. Các đương sự thông nhất giao hai cháu Nguyễn Thị Khánh H và Nguyễn Thị Phương A cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Chị Trần Thị Th không phải cấp dưỡng để nuôi con chung.

Chị Trần Thị Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trồng nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Th thỏa thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Trần Thị Th đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0000734 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Hoàn trả lại số tiền là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) cho chị Trần Thị Th.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ. Hr;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN